



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Lầu 6, 18 A Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Lầu 6, 18 A Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo: Giấy phép số 97/UBCK - GP ngày 04 tháng 9 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung như sau :

- + Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia vào hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.
- + Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- + Quyết định số 1047/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Lầu 6, 18 A Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-8) 39119999  
Fax : (84-8) 39118888

### **Chi nhánh:**

Địa chỉ : Số 10, Hoa Lư, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 39785207  
Fax : (84-4) 39785208

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch	05.9.2008	-
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	05.9.2008	21.5.2010
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	05.9.2008	-
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên	05.9.2008	-
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên	21.5.2010	-

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	05.9.2008	-
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	05.9.2008	-

068  
ĐANG  
KIỂM  
TRA  
VỤ  
TỔNG  
KIỂM  
SỐ  
P. H.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Lầu 6, 18A Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lý Thanh Tùng	Trưởng ban	16.9.2008	-
Ông Phan Hoài Nam	Thành viên	23.12.2008	23.1.2010
Ông Lê Xuân Vinh	Thành viên	23.01.2010	-
Bà Hồ Lệ Hoài Mai	Thành viên	23.01.2010	-

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Huỳnh Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

25-C  
CÔNG TY  
HỮU HẠ  
TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN  
NAM VIỆT  
CH. CHI



Số: 148 /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC được lập ngày 28/03/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Báo cáo kiểm toán năm 2009 được phát hành dưới dạng báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Giới hạn phạm vi kiểm toán**

Như thuyết minh tại mục V.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang sở hữu 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam (Cổ phiếu chưa niêm yết). Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam nên chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục nói trên cũng như ảnh hưởng của chúng tôi các khoản mục có liên quan trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các hướng dẫn kế toán áp dụng tại công ty chứng khoán, các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thị Lan**

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Hồng Nga**

Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>174.683.521.131</b>	<b>93.886.309.535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>9.763.051.642</b>	<b>11.158.085.673</b>
1. Tiền	111		9.763.051.642	5.158.085.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>1.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	1.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>162.772.663.450</b>	<b>71.431.219.236</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	291.929.668	250.951.381
2. Trả trước cho người bán	132		446.632.745	4.864.603.474
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	162.034.101.037	66.315.664.381
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>2.121.000</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.121.000	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>1.145.685.039</b>	<b>1.297.004.626</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	298.999.229	374.640.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	18.495.794
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	846.685.810	903.868.832
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>8.029.993.194</b>	<b>6.095.414.257</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>7.186.784.422</b>	<b>5.258.108.480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.957.404.422	5.258.108.480
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>9.319.416.200</i>	<i>8.112.145.904</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(5.362.011.778)</i>	<i>(2.854.037.424)</i>
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.229.380.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>4.036.725.000</i>	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(807.345.000)</i>	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>843.208.772</b>	<b>837.305.777</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	42.386.888	701.888.115
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.12	800.821.884	135.417.662
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>182.713.514.325</b>	<b>99.981.723.792</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		127.602.959.933	46.610.688.616
<b>Nợ ngắn hạn</b>	310		127.602.959.933	46.610.688.616
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	9.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		16.788.621	42.926.440
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	60.111.367	300.372.136
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	841.644.953	1.344.536.395
5. Phải trả người lao động	315		239.964.172	48.069.099
6. Chi phí phải trả	316	V.16	91.000.000	337.060.974
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		193.089.349	206.462.180
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		309.120.801	245.087.802
9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	23.500.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(272.613.595)	(41.986.263)
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.17	126.123.854.265	35.104.659.853
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		55.110.554.392	53.371.035.176
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.18	55.110.554.392	53.371.035.176
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.000.000.000	53.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.110.554.392	371.035.176
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		182.713.514.325	99.981.723.792

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>Chứng khoán lưu ký</b>	006		64.615.537.000	90.404.310.000
Chứng khoán giao dịch	007		64.615.537.000	90.404.310.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	009		64.615.537.000	90.404.310.000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hiền

Trần Khánh Dư

Huyền Anh Tuấn

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

2063  
 CÔNG  
 NIỆM  
 VỤ T  
 HÌNH  
 KIỂM  
 AM V  
 TP. HỒ





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>16.387.066.215</b>	<b>21.998.187.680</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		7.896.759.095	9.216.443.862
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	65.896.000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	102.827.222
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		7.009.711.097	3.862.135.269
- Doanh thu khác	01.9		1.480.596.023	8.750.885.327
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>11.360.125</b>	<b>45.748.689</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>16.375.706.090</b>	<b>21.952.438.991</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	VI.1	<b>3.251.791.951</b>	<b>5.215.069.751</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.123.914.139</b>	<b>16.737.369.240</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	VI.2	<b>11.349.886.369</b>	<b>10.130.764.364</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.774.027.770</b>	<b>6.606.604.876</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>785.242.827</b>	<b>107.000.000</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	VI.3	<b>327.362.340</b>	<b>64.648.541</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>457.880.487</b>	<b>42.351.459</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.231.908.257</b>	<b>6.648.956.335</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	VI.4	<b>492.389.041</b>	<b>1.181.476.273</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.739.519.216</b>	<b>5.467.480.062</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.5	<b>328</b>	<b>1.032</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Phạm Thị Hiền

Trần Khánh Dư

Ngày 28 tháng 3 năm 2011



Huyền Anh Tuấn

25-C  
 TỶ  
 HỮU HẠ  
 Ứ VẬT  
 Ế TOA  
 TỌAN  
 ỆT  
 CHI

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.231.908.257	6.648.956.335
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.315.319.354	2.190.396.389
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(324.000.000)	-
- Chi phí lãi vay	06		329.444.444	2.966.151.341
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.552.672.055	11.805.504.065
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91.931.169.620)	(70.455.454.221)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.121.000)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		92.909.303.806	5.809.154.909
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		735.141.998	1.322.129.404
- Tiền lãi vay đã trả	13		(329.444.444)	(2.966.151.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.600.113.198)	(42.405.158)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	83.776.622.482
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(230.627.332)	(26.462.789.265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.103.642.265	2.786.610.875
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.542.676.296)	(3.415.184.727)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	26		9.324.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.781.323.704	(3.415.184.727)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.000.000.000	138.788.237.056
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.000.000.000)	(138.788.237.056)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.280.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.280.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.395.034.031)	(628.573.852)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.158.085.673	11.786.659.525
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.763.051.642	11.158.085.673

Người lập biểu



Phạm Thị Hiền

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng



Trần Khánh Dư

Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 97/UBCK – GP ngày 04 tháng 9 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung như sau :

- + Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia vào hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.
- + Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- + Quyết định số 1047/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán..

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được trình bày theo nguyên tắc giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình, vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình, vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	05 năm

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Công ty lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn theo số chênh lệch lớn hơn dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn đã lập năm trước còn lại đang ghi sổ kế toán. Trong đó, đối với các loại chứng khoán có niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định căn cứ trên giá niêm yết của các loại chứng khoán đó tại ngày 31/12/2010. Đối với các loại chứng khoán không niêm yết trên thị trường chứng khoán (OTC), mặc dù có thể có sự giảm giá so với giá gốc nhưng do không có cơ sở về giá thị trường tại thời điểm 31/12/2010 nên Công ty không trích lập dự phòng

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

0537

ĐĂNG  
KÝ  
VỤ T  
ĐÍNH K  
SIẾM  
SẢN V  
HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**9. Các bên liên quan**

Các bên được gọi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	15.996.596	26.720.772
Tiền gửi ngân hàng	9.638.995.113	5.127.895.516
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch	108.059.933	3.469.385
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.763.051.642</b>	<b>11.158.085.673</b>

**2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa công ty chứng khoán	-	-
b) Cửa nhà đầu tư	209.859.104	5.863.951.257.000
- Cổ phiếu	209.859.104	5.863.951.257.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>209.859.104</b>	<b>5.863.951.257.000</b>

**3. Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết - Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam - 100.000 cổ phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

25-C  
 TỶ HỮU HẠ  
 S VẤN  
 MỸ TOÀN  
 ĐẢN  
 T  
 H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. Phải thu khách hàng**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu phí ủy thác	207.650.966	60.743.356
Phải thu phí tư vấn	-	12.470.000
Phải thu khách hàng khác	84.278.702	177.738.025
<b>Cộng</b>	<b>291.929.668</b>	<b>250.951.381</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng mua	31.787.826.434	8.193.359.827
Phải thu khách hàng bán	80.988.083	155.718.325
Phải thu ủy thác tiền bán	24.825.978.840	13.013.928.988
Phải thu ủy thác tiền mua	34.844.233.463	36.963.841.700
Phải thu ủy thác cầm cố	70.457.441.667	6.912.319.250
Ông Nguyễn Văn Đồng	-	1.022.715.700
Công ty Chứng khoán Hà Thành	4.858.689	4.858.689
Trường Viễn Đông	29.660.082	29.660.082
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	3.113.779	17.611.908
Các khoản phải thu khác	-	1.649.912
<b>Cộng</b>	<b>162.034.101.037</b>	<b>66.315.664.381</b>

**6. Hàng tồn kho**

Công cụ dụng cụ chưa sử dụng.

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Cước thuê bao kênh riêng quốc tế	151.525.000	437.140.000	(381.370.001)	207.294.999
Chi phí giao dịch qua mạng	-	504.377.500	(487.396.250)	16.981.250
Tiền điện và tiền thuê nhà	223.115.000	-	(223.115.000)	-
Công cụ dụng cụ	-	88.360.952	(13.637.972)	74.722.980
<b>Cộng</b>	<b>374.640.000</b>	<b>1.029.878.452</b>	<b>(1.105.519.223)</b>	<b>298.999.229</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	676.535.810	733.798.832
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	170.150.000	170.070.000
<b>Cộng</b>	<b>846.685.810</b>	<b>903.868.832</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

9. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	544.598.392	5.272.011.957	1.414.162.546	793.570.409	87.802.600	8.112.145.904
Mua sắm mới trong năm	-	378.608.839	-	828.661.457	-	1.207.270.296
Số cuối năm	<b>544.598.392</b>	<b>5.650.620.796</b>	<b>1.414.162.546</b>	<b>1.622.231.866</b>	<b>87.802.600</b>	<b>9.319.416.200</b>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	121.021.872	2.288.755.675	330.061.836	81.548.617	32.649.424	2.854.037.424
Tăng trong năm	90.766.404	1.862.506.444	242.890.032	287.324.406	24.487.068	2.507.974.354
Số cuối năm	<b>211.788.276</b>	<b>4.151.262.119</b>	<b>572.951.868</b>	<b>368.873.023</b>	<b>57.136.492</b>	<b>5.362.011.778</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	423.576.520	2.983.256.282	1.084.100.710	712.021.792	55.153.176	5.258.108.480
Số cuối năm	<b>332.810.116</b>	<b>1.499.358.677</b>	<b>841.210.678</b>	<b>1.253.358.843</b>	<b>30.666.108</b>	<b>3.957.404.422</b>

Ghi chú: Số hiệu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại đầu kỳ được phân loại lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND  
 Phần mềm kế  
 toán

Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Mua sắm mới trong năm	4.036.725.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.036.725.000</b>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	807.345.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>807.345.000</b>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.229.380.000</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí thành lập	701.888.115	-	(701.888.115)	-
Công cụ dụng cụ	-	55.000.000	(12.613.112)	42.386.888
<b>Cộng</b>	<b>701.888.115</b>	<b>55.000.000</b>	<b>(714.501.227)</b>	<b>42.386.888</b>

**12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp hằng năm	637.692.132	-
Tiền lãi phân bổ hằng năm	43.129.752	15.417.662
<b>Cộng</b>	<b>800.821.884</b>	<b>135.417.662</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

Nợ ngắn hạn Công ty cổ phần Kinh doanh vàng và Đầu tư vàng Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần Kinh doanh vàng và Đầu tư vàng Việt Nam ủy thác cho Công ty sử dụng khoản tiền này để đầu tư kinh doanh với thời hạn là 9 tháng và lãi suất bằng 1,5 lần trên lãi suất cơ bản tương đương lãi suất kỳ vọng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Nợ ngắn hạn các tổ chức (Công ty Cổ phần Kinh doanh vàng và Đầu tư vàng Việt Nam)	9.000.000.000	-	(9.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>(23.000.000.000)</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>14. Người mua trả tiền trước</b>				
		<b>31/12/2010</b>		<b>01/01/2010</b>
		VND		VND
Ứng trước cho nhà cung cấp dịch vụ		20.749.962		195.372.136
Tiền thu thừa phải trả cho nhà đầu tư		39.361.405		105.000.000
<b>Cộng</b>		<b>60.111.367</b>		<b>300.372.136</b>
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	107.318.889	(84.054.520)	23.264.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.167.229.078	492.389.041	(1.600.113.198)	59.504.921
Thuế thu nhập cá nhân	177.307.317	3.535.700.672	(2.954.132.326)	758.875.663
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.344.536.395</b>	<b>4.138.408.602</b>	<b>(4.641.300.044)</b>	<b>841.644.953</b>
<b>16. Chi phí phải trả</b>				
		<b>31/12/2010</b>		<b>01/01/2010</b>
		VND		VND
Tiền lương tháng 13		-		217.647.146
Chi phí tiện ích		67.000.000		89.413.828
Chi phí dịch vụ khác		24.000.000		30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>91.000.000</b>		<b>337.060.974</b>
<b>17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>				
		<b>31/12/2010</b>		<b>01/01/2010</b>
		VND		VND
Kinh phí công đoàn		2.750.488		2.457.704
Tiền lãi góp vốn phải trả cho các cổ đông		-		807.942.684
Cổ tức phải trả cho cổ đông		20.000.000		5.300.000.000
Phải trả EVN Sài Gòn phí chuyển nhượng		90.358.438		179.757.460
Nhận ký quỹ mua chứng khoán vào ngày T của nhà đầu tư		30.652.260.000		15.022.992.000
Ngân hàng chuyển tiền cho nhà đầu tư vay thông qua Công ty		95.358.485.339		13.791.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		-		10.005
<b>Cộng</b>		<b>126.123.854.265</b>		<b>35.104.659.853</b>

3205  
 CÔNG  
 NHẬN  
 H VỊ  
 HÌNH  
 KIỂM  
 AM 1  
 TP. HC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	53.000.000.000	203.555.114	53.203.555.114
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	5.467.480.062	5.467.480.062
Chia cổ tức năm trước	-	(5.300.000.000)	(5.300.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>371.035.176</b>	<b>53.371.035.176</b>
Số dư đầu năm nay	53.000.000.000	371.035.176	53.371.035.176
Lợi nhuận trong năm nay	-	1.739.519.216	1.739.519.216
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>2.110.554.392</b>	<b>55.110.554.392</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Thanh niên	150.000.000	150.000.000
Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	5.290.000.000	5.290.000.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn	2.764.400.000	2.764.400.000
Bà Nguyễn Hồng Trang	2.644.700.000	2.644.700.000
Các cổ đông khác	42.150.900.000	42.150.900.000
<b>Cộng</b>	<b>53.000.000.000</b>	<b>53.000.000.000</b>

*c. Cổ phiếu*

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.300.000	5.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.300.000	5.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.300.000	5.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.300.000	5.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.300.000	5.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25/12/10  
 TỶ  
 HỮU  
 SỞ  
 VÀ  
 Đ  
 T  
 Đ  
 T  
 H  
 T  
 H  
 C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.069.708.002	2.094.106.410
Chi phí hoạt động tư vấn	14.650.000	60.000.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	5.167.046	94.812.000
Chi phí về vốn kinh doanh	1.162.266.903	2.966.151.341
<b>Cộng</b>	<b>3.251.791.951</b>	<b>5.215.069.751</b>

**2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.114.074.798	4.262.088.574
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	136.725.844	1.808.983.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.745.245.584	2.190.396.389
Thuế, phí, lệ phí	1.196.000	17.344.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.000.874.526	1.747.523.192
Chi phí khác	351.769.617	104.428.834
<b>Cộng</b>	<b>11.349.886.369</b>	<b>10.130.764.364</b>

**3. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Sửa lỗi giao dịch	-	60.864.424
Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán	-	2.890.402
Chi phí đầu tư	325.450.090	-
Chi phí khác	1.912.250	893.715
<b>Cộng</b>	<b>327.362.340</b>	<b>64.648.541</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.231.908.257	6.648.956.335
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(243.543.212)	102.336.654
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.517.762	102.336.654
+ Chi phí không chứng từ	2.517.762	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	102.336.654
- Các khoản điều chỉnh giảm	(246.060.974)	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	(246.060.974)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.988.365.045	6.751.292.989
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	497.091.261	1.687.823.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT 03	-	(506.346.974)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009	(4.702.220)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>492.389.041</b>	<b>1.181.476.273</b>

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.739.519.216	5.467.480.062
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.739.519.216	5.467.480.062
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.300.000	5.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>328</b>	<b>1.032</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Các giao dịch không bằng tiền**

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định như sau

	Năm nay	Năm trước
Ứng trước tiền mua phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán	-	3.817.079.045
Phải trả mua tài sản cố định	115.760.045	23.839.339

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua cổ phiếu</b>		<b>1.000.000.000</b>
Tạm ứng tiền	9.777.011.072	9.582.413.974
Thanh toán hộ Công ty các khoản chi phí	9.939.555.089	6.241.134
Chi trả tiền đã chi hộ	-	270.541.134
<b>Ứng trước tiền bán và mua chứng khoán thông qua các hợp đồng hỗ trợ, tư vấn</b>		<b>16.545.722.530</b>
Thu tiền hỗ trợ và ứng trước	946.527.750	15.599.282.530
Thu phí ứng trước và hỗ trợ	-	58.186.024

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tạm ứng	104.442.641	266.986.658
Phải thu ứng trước tiền bán và mua chứng khoán	-	946.527.750
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>104.442.641</b>	<b>1.213.514.408</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	963.970.863	806.336.331
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	9.220.800	18.441.600
Tiền thưởng	4.000.000	38.723.425
<b>Cộng</b>	<b>977.191.663</b>	<b>863.501.356</b>

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn kiểm toán (A&C) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và phân loại lại như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại và phân loại lại)	Chênh lệch
- Phải thu khách hàng	65.369.303.342	250.951.381	(65.118.351.961)
- Trả trước cho người bán	4.864.508.024	4.864.603.474	95.450
- Các khoản phải thu khác	1.186.496.291	66.315.664.381	65.129.168.090
Nợ ngắn hạn	46.641.763.300	46.610.688.616	(31.074.684)
- Phải trả cho người bán	42.830.990	42.926.440	95.450
- Người mua trả tiền trước	14.081.056.007	300.372.136	(13.780.683.871)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(41.986.263)	(41.986.263)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.313.159.853	35.104.659.853	13.791.500.000
Vốn chủ sở hữu	53.329.048.913	53.371.035.176	41.986.263
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(41.986.263)	-	41.986.263

**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	95,61	93,90
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4,39	6,10
<b>Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,84	127,63
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,16	53,38
<b>Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,37	2,01
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,43	2,15
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,08	0,24
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	13,63	30,29
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	10,62	24,91
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,22	6,65
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,95	5,47
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,16	10,24

Người lập biểu



Phạm Thị Hiền

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng



Trần Khánh Dư

Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn